

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

[Dự thảo]

ĐỀ ÁN

**PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN CHO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG**

Hà Nội, năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG ..	5
1. Bối cảnh chung	5
2. Căn cứ pháp lý	6
3. Thực trạng về kỹ năng ứng dụng CNTT của LLLĐ	9
4. Sự cần thiết phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT của LLLĐ	10
PHẦN II. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CNTT CHO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG	11
1. Quan điểm.....	11
2. Phạm vi và đối tượng.....	12
3. Mục tiêu.....	12
PHẦN III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	13
1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vai trò của kỹ năng ứng dụng CNTT đối với LLLĐ.	13
2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về đào tạo, đánh giá, công nhận kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ	14
3. Tăng cường điều kiện đảm bảo về phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ	14
4. Tăng cường kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ	14
5. Nâng cao năng lực hệ thống thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT và chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở lĩnh vực CNTT	15
6. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ	15
PHẦN IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....	16
PHẦN V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	16
1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	16
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo.....	17
3. Bộ Thông tin và Truyền thông	17
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư	17
5. Bộ Khoa học và Công nghệ.....	17

6. Bộ Tài chính	18
7. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
8. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Error! Bookmark not defined.
9. Hội Khuyến học Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.....	18
PHẦN VI. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM.....	19
PHỤ LỤC.....	20

PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CNTT TIN CHO LLLĐ

1. Bối cảnh chung

ASEAN là khu vực có thị trường Internet phát triển nhanh nhất trên thế giới với khoảng 125.000 người dùng mới truy cập Internet mỗi ngày¹. Nền kinh tế kỹ thuật số ASEAN được dự đoán sẽ tăng trưởng đáng kể, bổ sung ước tính 1 nghìn tỷ USD vào GDP khu vực trong 10 năm tới. Tuy nhiên, nhiều rào cản lớn đang cản trở việc hiện thực hóa tiềm năng này, trong đó sự chênh lệch và thiếu hụt về kỹ năng bao gồm kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng CNTT của LLLĐ các quốc gia cũng như giữa các quốc gia trong khu vực² có thể xem là một trong những rào cản lớn nhất hiện nay. Trước thực trạng đó, ASEAN đã đưa ra các biện pháp và khuôn khổ chính sách quan trọng, bao gồm Kế hoạch tổng thể AEC 2025, Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN 2025 và Hiệp định khung e-ASEAN nhằm giải quyết những rào cản này.

Việt Nam, với phân đa là dân số trẻ, có học thức và hiểu biết về công nghệ³; có nền kinh tế đang phát triển với nhiều thành phần. Năm 2022, công nghiệp công nghệ số được xem là điểm sáng của nền kinh tế với doanh thu ước đạt 148 tỷ USD, tăng trưởng hơn 10% so với 2021, số lượng doanh nghiệp hơn 70.000 và xuất khẩu của ngành công nghệ số ước đạt 136 tỷ USD⁴. Do vậy, cùng với sự ảnh hưởng của kinh tế “chia sẻ” (gig economy⁵), sự tác động ảnh hưởng đối với LLLĐ trẻ sẽ ở mức độ càng cao⁶ và càng nhanh khi mà yêu cầu về kỹ năng số và kỹ năng ứng dụng CNTT đối với NLĐ càng cao. Do vậy việc tăng cường trang bị kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay có vai trò rất quan trọng trong việc tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngày 10/01/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CP về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội. Đây là cơ sở để triển khai thống nhất, đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường lao động từ trung ương đến địa phương và có sự liên thông với các giải pháp phát triển các thị trường khác.

¹ <https://www.weforum.org/projects/digital-asean> (truy cập 11/8/2023).

² Digital Skills Gap Index 2021, John Wiley & Sons, Inc.

³ Unlocking Vietnam's Digital Potential: Harnessing the economic opportunities of digital transformation with Google's contribution, 2021.

⁴ Tạp chí Kinh tế Việt Nam số 25-2023 phát hành ngày 19-06-2023.

⁵ Đặc trưng bởi hệ thống thị trường tự do, nơi mà các tổ chức và NLĐ độc lập tham gia vào các thỏa thuận công việc ngắn hạn, kết nối hiệu quả qua các nền tảng ứng dụng CNTT (Grab, Uber, Bán hàng online,...).

⁶ Young people and the gig economy, ILO,

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường đào tạo, đào tạo lại nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho LLLĐ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, bao gồm: Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 phê duyệt Chương trình "Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư"; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án "nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 về đẩy mạnh và phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới; Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" và một số văn bản khác nhằm triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia.

2. Căn cứ pháp lý

Ứng dụng CNTT là việc sử dụng CNTT vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này⁷.

Pháp luật về Công nghệ thông tin quy định: Nhà nước có chính sách khuyến khích phổ cập kiến thức CNTT trong phạm vi cả nước⁸; Nhà nước có chính sách phát triển quy mô và tăng cường chất lượng đào tạo nguồn nhân lực CNTT⁹; Ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển CNTT được sử dụng vào các mục đích bao gồm: phổ cập ứng dụng CNTT, hỗ trợ dự án ứng dụng CNTT có hiệu quả¹⁰, phát triển nguồn nhân lực CNTT¹¹; Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để đưa lao động phần mềm và thông tin số Việt Nam ra làm việc, thực tập, học tập ở nước ngoài¹².

- Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định "*Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: CNTT và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô*

⁷ Khoản 5 Điều 4 Luật Công nghệ thông tin 2006.

⁸ Khoản 1 Điều 46 Luật Công nghệ thông tin 2006.

⁹ Khoản 1 Điều 42 Luật Công nghệ thông tin 2006.

¹⁰ Điểm a Khoản 1 Điều 63 Luật Công nghệ thông tin 2006.

¹¹ Điểm e Khoản 1 Điều 63 Luật Công nghệ thông tin 2006.

¹² Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.

tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin, công nghiệp dược phẩm, sản xuất chế phẩm sinh học, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu". Để đạt được mục tiêu này, cần có một LLLĐ đáp ứng yêu cầu về kỹ năng ứng dụng CNTT theo lộ trình.

- Kỹ năng ứng dụng CNTT của LLLĐ nói riêng và của người dân nói chung còn hạn chế, do vậy (i) về mặt kinh tế, không đáp ứng được yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, yêu cầu kỹ năng mới kìm hãm sự phát triển; (ii) về mặt xã hội, an toàn thông tin không đảm bảo, không có khả năng chọn lọc thông tin, không có khả năng tự bảo vệ trước các thông tin giả, xấu độc, lừa đảo gây mất ổn định xã hội, dễ bị xúi giục, lôi kéo. Mặt khác, phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho NLĐ giúp tăng năng suất lao động trực tiếp; tăng cường khả năng tự tìm hiểu, học tập để nâng cao trình độ của bản thân góp phần xây dựng xã hội học tập, tiến bộ và văn minh.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đặt mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử. Thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước. Đến năm 2025 kinh tế số đạt khoảng 20% GDP, đến năm 2030 kinh tế số đạt khoảng 30% GDP¹³. Trong kỷ nguyên của nền kinh tế số và thương mại điện tử đòi hỏi doanh nghiệp cần nỗ lực tăng cường ứng dụng CNTT trong sản xuất, kinh doanh và trong cả quản lý, do vậy kỹ năng ứng dụng CNTT của LLLĐ là yếu tố quyết định đến năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sự thành công của doanh nghiệp.

- Khoản 4 Điều 5 Luật Công nghệ thông tin quy định chính sách của Nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT "*Ưu tiên dành một khoản ngân sách nhà nước để ứng dụng CNTT trong một số lĩnh vực thiết yếu, tạo lập nền công nghiệp CNTT và phát triển nguồn nhân lực CNTT*".

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt nhiệm vụ, giải pháp về phát triển xã hội số: tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho NLĐ tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Thực hiện triển khai thử nghiệm đào tạo, đào tạo lại về công nghệ số cho NLĐ ít nhất 1 giờ/1 tuần tại 3 tỉnh: Thái Nguyên, Quảng

¹³ Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Nam và Bình Dương trước, sau đó triển khai đồng bộ tại các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước.

Ưu tiên 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ lao động có các kỹ năng CNTT đạt 80 %, đến năm 2030 đạt 90%.

- Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đạt một số mục tiêu về phát triển kỹ năng số, kỹ năng CNTT tin gồm: phấn đấu 50% đến năm 2025 và 100% đến năm 2030 nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số; phấn đấu 70% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số; phấn đấu 100% chương trình đào tạo chuyên ngành CNTT, công nghệ số được cập nhật phù hợp với ứng dụng khoa học công nghệ mới.

- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 xác định tại mục tiêu 4.4. đến năm 2030, tăng đáng kể số lao động có các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động để có việc làm tốt và làm chủ doanh nghiệp (Mục tiêu 4.4. Toàn cầu) cũng xác định tỷ lệ lao động có các kỹ năng CNTT đến năm 2025 đạt 80% và đạt 90% vào năm 2030.

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 xác định, triển khai Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ độ chuyên môn kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia hiện đại, đồng bộ, thống nhất và có sự liên thông giữa các hệ thống thông tin về giáo dục - đào tạo, tăng khả năng kết nối trên thị trường cung - cầu lao động thông qua ứng dụng chuyển đổi số và CNTT... và giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với

các Bộ, ngành xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án Phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ.

3. Thực trạng về kỹ năng ứng dụng CNTT của LLLĐ

Lực lượng lao động Việt Nam với quy mô gần 54 triệu người trong độ tuổi lao động. Hệ thống các cơ sở đào tạo trình độ đại học với quy mô hơn 230 trường; đào tạo các trình độ GDNN gần 2.000 đơn vị. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đạt 26,4%.

Hiện nay¹⁴, tỷ lệ cán bộ làm công tác CNTT trong cơ quan Nhà nước của nước ta hiện là 0,9% trong khi tỷ lệ này ở các nước trong khu vực là 10%, riêng Mỹ là 15%.

Việc ứng dụng CNTT trong những năm gần đây không chỉ trong nội bộ ngành CNTT mà tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội đều ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành. Việc làm kỹ thuật số, bao gồm: Nghề nghiệp trong và ngoài ngành công nghiệp ứng dụng CNTT; các tồn tại trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; công việc chuyên sâu (kỹ thuật phần mềm, phát triển web); các công việc phụ thuộc vào ứng dụng CNTT (Grab, sàn thương mại điện tử); các công việc yêu cầu kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao (quản lý văn phòng, thiết kế đồ họa, bán lẻ, cung cấp dịch vụ, khách sạn).

Tuy nhiên, sự thiếu hụt các kỹ năng của NLD để duy trì việc làm hoặc chuyển đổi nghề, thích ứng với yêu cầu phát triển còn tồn tại; nguồn nhân lực chất lượng cao, ở các ngành nghề mới, có kỹ năng mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế cũng như gắn kết cơ sở GDNN với doanh nghiệp, thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam còn thiếu.

Trong bối cảnh này, nếu không có các giải pháp kịp thời để đào tạo lại, đào tạo bổ sung kỹ năng cho NLD, đặc biệt là các kỹ năng mềm, kỹ năng CNTT để NLD tự học, tìm kiếm thông tin, kết nối, chia sẻ kiến thức, Việt Nam sẽ phải đối mặt những thách thức, tác động tiêu cực như: khó cải thiện năng suất lao động, sự tụt hậu về công nghệ, suy giảm sản xuất, kinh doanh; dư thừa lao động có kỹ năng và trình độ thấp gây phá vỡ thị trường lao động truyền thống, nguy cơ khó kiểm soát tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt là trong những lĩnh vực, ngành nghề chịu tác động lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; mất an toàn, an ninh thông tin. Mặt khác có khả năng xuất hiện làn sóng đẩy công nghệ lạc hậu từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển và chậm phát triển.

¹⁴ Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Sự cần thiết phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT của LLLĐ

Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN theo hướng mở, linh hoạt, hiệu quả, hội nhập; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức. Chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên LLLĐ. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Nước ta đang trong thời kỳ dân số vàng, với trên 52 triệu người trong độ tuổi lao động. Trong những năm qua, với các chính sách về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Đảng, Nhà nước chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động của Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, hơn hai thập kỷ vừa qua, nước ta đã có nhiều nỗ lực để cải thiện năng suất lao động. Trong đó, việc dịch chuyển cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp đóng góp vai trò quan trọng. Tuy nhiên, đến nay, năng suất lao động của nước ta vẫn được đánh giá là thấp so khi đặt trong mối tương quan với một số nước trong khu vực và trên thế giới.

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, năng suất lao động hiện nay của Việt Nam chưa cao. Tính đến năm 2022, năng suất lao động của chúng ta đạt 188 triệu đồng/lao động, tương đương với khoảng 8 nghìn USD/lao động. Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước là 4,81%. So với giai đoạn trước (2016 – 2019), tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam đều đạt 6%. Tuy nhiên, giai đoạn mà chúng ta chịu sự tổn thương của đại dịch COVID-19 thì tốc độ tăng năng suất lao động có dấu hiệu chậm lại. So với các nước trên thế giới và khu vực, giai đoạn 2011-2020, tăng năng suất lao động của chúng ta tăng bình quân là 5,4%/năm, cao hơn mức bình quân của Malaysia là 1,3%/năm, Hàn Quốc 1,5%, Singapore 1,7%/năm. Trong thực tế, năng suất của chúng ta chỉ bằng 11,3% so với Singapore; 23% năng suất của Hàn Quốc, bằng 33% năng suất của Malaysia; 60% Trung Quốc, và 86,5% Phillipines.

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, chuyên đổi số, việc phổ cập, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ là chìa khóa để người dân được tiếp cận kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng CNTT để cùng tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ CNTT một cách bình đẳng, giúp xây dựng một xã hội số bao trùm và toàn diện trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Do vậy, việc xác định, xây dựng và triển khai các giải pháp, chính sách nhằm phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ trong giai đoạn hiện nay là cần thiết.

Ngoài ra, hiện nay Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người thấp. Đến hết năm 2020, quy mô nền kinh tế nước ta đạt khoảng 343 tỷ USD, năm 2022 là 409 tỷ USD, mặc dù tăng gấp 10 lần so với năm 2000, GDP bình quân đầu người là 4.110 USD vẫn nằm trong nhóm quốc gia có thu nhập bình quân đầu người thấp. Nhìn chung đời sống NLĐ bước đầu được cải thiện nhưng còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong và sau dịch bệnh Covid-19. Do đó NLĐ có nhu cầu nâng cao kỹ năng, tìm kiếm việc làm, làm tăng ca, làm thêm công việc khác nhằm có thêm thu nhập, cải thiện đời sống. Nếu được trang bị kỹ năng CNTT, NLĐ sẽ dễ dàng hơn trong việc được cung cấp và chia sẻ thông tin tăng cơ hội tìm kiếm các chương trình đào tạo, thông tin việc làm, thị trường lao động. Qua ứng dụng CNTT, NLĐ có thể căn cứ vào những điều kiện của mình như địa điểm, thời gian làm việc, sức khỏe, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hiện có, năng lực của bản thân để lựa chọn chương trình đào tạo, nộp hồ sơ dự tuyển trực tuyến, giảm bớt thời gian đi lại và các thủ tục. Cũng nhờ ứng dụng CNTT, NLĐ có thể nộp hồ sơ cùng một lúc đến nhiều cơ sở đào tạo, nhà tuyển dụng khác nhau để gia tăng cơ hội lựa chọn chương trình học, môi trường làm việc phù hợp với bản thân. Đồng thời, NLĐ khi tìm kiếm thông tin việc làm trên các trang web, có rất nhiều thông tin thật, ảo, thậm chí có cả các thông tin lừa đảo để mua bán sức lao động trên mạng xã hội, thậm chí lừa đảo để kiếm tiền. Vì vậy, NLĐ phải có năng lực làm chủ CNTT, năng lực kiểm chứng thông tin, năng lực đánh giá thông tin... biết tìm kiếm, lựa chọn những trang web chính thống, nơi đào tạo, tuyển dụng uy tín.

Như vậy, CNTT nếu được trang bị tốt cho NLĐ sẽ là một trong những nguồn lực kinh tế then chốt của quốc gia, là chìa khóa để cung cấp thông tin cho NLĐ trên thị trường, gắn kết giữa cung - cầu lao động, cung cầu đào tạo, gắn kết giữa nguồn lực lao động và thị trường việc làm một cách hiệu quả.

PHẦN II. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ỨNG DỤNG CNTT CHO LLLĐ

1. Quan điểm

- Nâng cao nhận thức và phát huy năng lực hành động của lãnh đạo các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và NLĐ về phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực số nói riêng và trình độ kỹ năng nghề nghiệp nói chung của LLLĐ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm, ổn định việc làm, hạn chế thất nghiệp trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đáp ứng yêu cầu hội nhập trong kỷ nguyên kinh tế số và thương mại điện tử.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần phát triển hệ thống giáo dục, GDNN mở, linh hoạt đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người trong xã hội được tham gia học tập, thúc đẩy việc hình thành và xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

- Đối với người sử dụng lao động, cần xác định rõ nhu cầu về các kỹ năng số, kỹ năng CNTT cần trang bị cho NLD để phù hợp chiến lược, mô hình kinh doanh cũng như định hướng chuyển đổi công nghệ, ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình. Từ đó đưa ra các phương án đào tạo, nâng cấp kỹ năng CNTT cho LLLĐ hiện hữu, cũng như tuyển dụng lao động mới với các kỹ năng chuyên môn phù hợp. Bên cạnh đó cần tăng cường kết nối với các cơ quan quản lý và các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo các kỹ năng cho NLD.

- Đối với NLD, cần tăng cường tính chủ động và khả năng thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, chủ động trang bị các kỹ năng về CNTT và các kỹ năng mềm khác giúp nâng cao năng lực số của bản thân để thích ứng với nhu cầu về lao động số, lao động có kỹ năng đang gia tăng không ngừng của thị trường lao động.

2. Phạm vi và đối tượng

Đề án tập trung vào nhóm đối tượng là NLD thiếu hụt các kỹ năng về CNTT, năng lực ứng dụng CNTT để tìm kiếm thông tin thị trường lao động, thông tin đào tạo; tự học hoặc tham gia các khóa đào tạo trực tuyến; tìm hiểu pháp luật lao động; ứng xử văn hóa trên môi trường mạng và bảo mật thông tin; xây dựng hồ sơ nghề nghiệp điện tử và thực hiện các hợp đồng lao động số, hợp đồng lao động trên môi trường mạng mà các chương trình, đề án khác chưa phủ tới, đặc biệt là công nhân lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp tại Việt Nam, lao động nông thôn tham gia sản xuất hàng hóa theo hướng tiên tiến, hiện đại.

3. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: tăng cường năng lực ứng dụng CNTT cho LLLĐ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước tác động của cuộc Cách mạng công

ng nghiệp lần thứ tư. Tạo cơ hội tiếp cận CNTT cho NLD, đặc biệt lực lượng công nhân và nông dân, NLD ở khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số. Đến năm 2025 và 2030 tỷ lệ lao động có các kỹ năng CNTT lần lượt là 80% và 90%.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

+ Đến năm 2025, xây dựng và số hóa học liệu về chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT và năng lực ứng dụng CNTT cho LLLĐ; xây dựng, phát triển nền tảng số để tổ chức đào tạo trực tuyến; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng hướng dẫn và tổ chức học tập kỹ năng ứng dụng CNTT trên nền tảng học tập trực tuyến cho khoảng 500 cán bộ, chuyên gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và khoảng 100 ngàn NLD.

+ Từ năm 2025, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng hướng dẫn và tổ chức học tập kỹ năng ứng dụng CNTT trên nền tảng học tập trực tuyến cho khoảng 3.000 cán bộ, chuyên gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, lao động nông thôn (mỗi năm bình quân 600 người) và tổ chức đào tạo, hướng dẫn về tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT cho khoảng 2,5 triệu NLD (mỗi năm bình quân 500.000 người, bao gồm NLD tham gia học các chương trình GDNN, NLD đang làm việc trong thị trường lao động).

+ Đánh giá, công nhận kỹ năng ứng dụng CNTT cho 20 triệu lượt NLD (mỗi năm bình quân 3 triệu người); tổ chức, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở các nghề thuộc lĩnh vực CNTT cho 1 triệu lượt NLD.

PHẦN III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vai trò của kỹ năng ứng dụng CNTT đối với LLLĐ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, phổ biến vai trò, giá trị của việc phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ trong giai đoạn hiện nay. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động về phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ. Khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ trong phát triển kinh tế - xã hội trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đổi mới nội dung, đa dạng hoá các hoạt động truyền thông, chú trọng truyền thông trên các nền tảng trực tuyến để tăng khả năng tiếp cận với các đối tượng NLD và doanh nghiệp.

- Tổ chức tôn vinh, khen thưởng về tập thể, cá nhân có thành tích trong việc phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về đào tạo, đánh giá, công nhận kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định, hướng dẫn về tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo quy định tại Điều 43 Luật Công nghệ thông tin.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm và hệ thống pháp luật về GDNN đối với các chính sách về đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề để duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho NLĐ.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách ưu tiên hỗ trợ, cấp học bổng, thẻ học nghề cho NLĐ học tập nâng cao trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT.

- Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cho LLLĐ và người học các trình độ GDNN đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

3. Tăng cường điều kiện đảm bảo về phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ

- Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo về kỹ năng ứng dụng CNTT và các kiến thức, kỹ năng liên quan đến phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho người học; cập nhật, bổ sung Chương trình môn học Tin học thuộc các môn học chung sử dụng trong đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

- Xây dựng, phát triển các nền tảng học tập trực tuyến; nền tảng đào tạo có sử dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo và công nghệ Mô phỏng ảo nhằm tạo điều kiện và thu hút NLĐ tham gia học tập, tương tác trên nền tảng số.

- Xây dựng và số hóa học liệu về kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản và nâng cao để tổ chức đào tạo cho NLĐ và người học các trình độ GDNN.

- Xây dựng và số hóa học liệu về năng lực ứng dụng CNTT để tổ chức đào tạo cho NLĐ, bao gồm các kỹ năng: tìm kiếm và sàng lọc thông tin (việc làm, đào tạo,...); tự học hoặc tham gia các khóa đào tạo; tìm hiểu pháp luật lao động; xây dựng hồ sơ nghề nghiệp, hợp đồng lao động điện tử/số; ứng xử văn hóa trên môi trường mạng.

- Tăng cường năng lực đào tạo CNTT của các cơ sở đào tạo, cơ sở GDNN, doanh nghiệp.

- Tăng cường nghiên cứu, áp dụng các công trình nghiên cứu khoa học về áp dụng CNTT trong sản xuất kinh doanh.

4. Tăng cường kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT cho nhà giáo, người dạy nghề, đào tạo viên và cán bộ đào tạo của doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho NLĐ và người học các trình độ GDNN, đặc biệt là đối với thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế khác; tổ chức hướng dẫn việc tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT cho NLĐ, đặc biệt là trên các nền tảng học tập trực tuyến.

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho doanh nghiệp, hợp tác xã và LLLĐ trong tổ chức các hoạt động sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự, đổi mới sáng tạo đặc biệt là đối với thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế khác.

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong việc đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT cho NLĐ đang làm việc tại doanh nghiệp. Triển khai các chương trình phối hợp giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp để tổ chức đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT cho NLĐ đang làm việc tại doanh nghiệp, theo sự cam kết của doanh nghiệp.

- Tăng cường tổ chức kỳ thi kỹ năng nghề các cấp ở lĩnh vực CNTT và các lĩnh vực liên quan đến ứng dụng CNTT. Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện để tham gia hiệu quả các kỳ thi kỹ năng nghề khu vực và thế giới.

5. Nâng cao năng lực hệ thống thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT và chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở lĩnh vực CNTT

- Đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT và chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. Tăng cường ứng dụng CNTT, số hóa trong tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ cho NLĐ.

- Bổ sung, hoàn thiện các chuẩn đào tạo, chuẩn kỹ năng và công cụ đánh giá, công nhận kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng nghề quốc gia ở lĩnh vực CNTT cho LLLĐ.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng CNTT, nền tảng học tập và đánh giá, công nhận kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ

- Hợp tác, triển khai các chương trình, đề án để nâng cao năng lực hệ thống đào tạo, đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ.

- Tăng cường triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế để đào tạo cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia về kỹ năng ứng dụng CNTT; triển khai các mô hình đào tạo về nâng cao trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ.

- Đầu tư, ưu tiên tổ chức đưa NLD đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và chuyên gia nước ngoài vào làm việc ở Việt Nam trong lĩnh vực CNTT.

PHẦN IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Kinh phí từ ngân sách Nhà nước (nguồn kinh phí thường xuyên) cấp hàng năm cho các hoạt động chung của đề án trong dự toán ngân sách của các Bộ, ngành địa phương. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình Mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án về đào tạo có liên quan.

- Kinh phí trích từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp triển khai các chế độ bảo hiểm thất nghiệp về Hỗ trợ học nghề và Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho NLD theo quy định tại Luật Việc làm.

- Nguồn lực hỗ trợ đào tạo nghề cho NLD trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ được đưa vào dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bảo đảm Đề án được triển khai thực hiện theo kế hoạch.

- Nguồn kinh phí tự cân đối của các cơ sở GDNN, doanh nghiệp.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

PHẦN V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án có liên quan do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện.

- Chủ trì tổ chức xây dựng và số hóa chương trình, học liệu theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT; xây dựng mô đun đào tạo về kỹ năng ứng dụng CNTT, tổ chức hướng dẫn việc học tập trên nền tảng học tập trực tuyến.

- Tổ chức đánh giá, công nhận kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ và người học các trình độ GDNN.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng và tổ chức thí điểm các mô hình đào tạo tại doanh nghiệp cho LLLĐ về kỹ năng ứng dụng CNTT; tổ chức hướng dẫn về tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT cho NLD.

- Đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống GDNN về đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế để phát triển kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ ngành liên quan nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo về đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT.

- Đầu tư, nâng cao năng lực của hệ thống thi, cấp chứng chỉ ứng dụng kỹ năng CNTT đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu của LLLĐ.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo các cơ quan báo chí truyền thông về học tập, tự học tập rèn luyện nâng cao trình độ kỹ năng về ứng dụng CNTT trong công nhân lao động.

- Chủ trì, phối hợp với bộ ngành liên quan rà soát, cập nhật chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp và thị trường lao động.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo quy định tại Điều 43 Luật Công nghệ thông tin.

- Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng nên tăng học tập trực tuyến, số hóa tài liệu để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho NLĐ.

- Chủ trì, phối hợp với bộ ngành có liên quan theo dõi đánh giá chỉ tiêu về tỷ lệ lao động có các kỹ năng CNTT, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành và địa phương bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp để triển khai các hoạt động của Đề án;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện Đề án.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu về ứng dụng CNTT; tổ chức nghiên cứu, áp dụng CNTT trong sản xuất kinh doanh, quản lý và điều hành và các lĩnh vực có liên quan khác.

6. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp nhu cầu, cân đối bố trí vốn ngân sách Nhà nước hằng năm theo dự toán ngân sách của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án theo quy định của pháp luật, bảo đảm thực hiện Đề án có hiệu quả.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn bố trí kinh phí, tạo điều kiện hỗ trợ để công nhân lao động tham gia học tập, bồi dưỡng hoặc tự học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT; tham gia đánh giá để được công nhận, cấp chứng chỉ kỹ năng ứng dụng CNTT.

Hàng năm, trước ngày 15/12, thống kê số lượng cán bộ hạt nhân của doanh nghiệp có nhu cầu hướng dẫn việc tổ chức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ kỹ năng ứng dụng CNTT trên nền tảng học tập “Công dân số” của năm tiếp theo gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp để sắp xếp, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng.

8. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức khác theo chức năng, nhiệm vụ chủ động và tích cực tham gia thực hiện Đề án này.

PHẦN VI. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1.	Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định liên quan đến đánh giá, cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan	2024-2025
2.	Rà soát, cập nhật, bổ sung Chương trình môn học Tin học thuộc các môn học chung sử dụng trong đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan	Từ 2024
3.	Xây dựng và số hóa học liệu về kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản và nâng cao; xây dựng và phát triển nền tảng đào tạo trực tuyến	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan	Từ 2024
4.	Đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT và chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan	Từ 2024
5.	Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cho LLLĐ và người học các trình độ GDNN	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và	Từ 2025

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
			Đào tạo	
6.	Tăng cường nghiên cứu, áp dụng các công trình nghiên cứu khoa học về áp dụng CNTT trong sản xuất kinh doanh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm

PHỤ LỤC

Phụ lục I. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng CNTT cho LLLĐ